

BÁO CÁO
Về điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025
của phường An Lạc

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ Ban hành quy chế lập, tham tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 375/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 409/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 410/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh phân bổ dự toán ngân sách năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2735/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ số 7350/STC-QLNS ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh các khoản thu chuyển nguồn năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Lâm thời phường An Lạc về dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường An Lạc năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường An Lạc về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường và phân bổ dự toán ngân sách phường An Lạc năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường An Lạc về điều chỉnh dự toán thu - chi ngân sách phường và phân bổ dự toán ngân sách phường An Lạc năm 2025;

Căn cứ Quyết định 384/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc về giao chỉ tiêu dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán thu, chi ngân sách phường và phân bổ dự toán ngân sách phường An Lạc năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5616/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách của phường An Lạc năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5863/QĐ-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường An Lạc về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách của phường An Lạc năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng nhân dân lâm thời phường An Lạc về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách phường năm 2025;

Ủy ban nhân dân phường báo cáo về điều chỉnh quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường An Lạc, cụ thể như sau:

A. NỘI DUNG BÁO CÁO, ĐỀ XUẤT

I. Nội dung điều chỉnh quyết toán ngân sách năm 2025

1.1. Cơ sở điều chỉnh

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, Hội đồng nhân dân lâm thời phường An Lạc ban hành Nghị quyết số 01/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách phường năm 2025;

Sau thời điểm Hội đồng nhân dân phường phê chuẩn quyết toán, Sở Tài chính ban hành Công văn số 7590/STC-QLNS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc điều chỉnh các khoản thu chuyển nguồn năm 2025. Trong đó, điều chỉnh từ thu chuyển nguồn ngân sách cấp thành phố về ngân sách phường An Lạc với tổng số tiền là: 19.230.907.236 đồng (nguồn cải cách tiền lương - Mã NDKT 0913: 18.086.068.675 đồng; kinh phí được giao từ chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập - Mã NDKT: 0914: 32.838.561 đồng; nguồn kinh phí bổ sung sau ngày 30/9 - Mã NDKT 0915: 1.112.000.000 đồng).

Kho bạc nhà nước khu vực II - phòng giao dịch số 5 có phiếu điều chỉnh lập ngày 23 tháng 3 năm 2025 (mẫu số C6-09/NS) do sai cấp, sai mã địa bàn

hành chính các khoản thu cho từng địa bàn ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 làm giảm thu ngân sách nhà nước năm 2025 phường An Lạc với số tiền 38.079.337 đồng (*tăng tiền lệ phí môn bài: 1.000.000 đồng, giảm tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 39.079.337 đồng*).

1.2. Nội dung điều chỉnh

- Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách địa phương năm 2025 (Thu chuyển nguồn từ năm trước sang) số tiền là 19.230.907.236 đồng.

- Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 (Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau) số tiền là 19.230.907.236 đồng, bao gồm: (nguồn cải cách tiền lương 18.086.068.675 đồng, kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập 32.838.562 đồng và nguồn kinh phí bổ sung sau ngày 30/9 là 1.112.000.000 đồng).

- Điều chỉnh giảm nguồn thu do Kho bạc nhà nước khu vực II - phòng giao dịch số 5 hạch toán do sai cấp, sai mã địa bàn hành chính các khoản thu cho từng địa bàn ở Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 với số tiền là 38.079.337 đồng.

2. Quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2025 phường An Lạc sau điều chỉnh

2.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường An Lạc: 608.144.051.911 đồng.

2.2. Tổng thu ngân sách địa phương 684.729.275.153 đồng.

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 27/3/2026	Sau khi điều chỉnh	Tăng, giảm
1	2	3	4
TỔNG SỐ	665.536.447.254	684.729.275.153	19.192.827.899
1. Lệ phí trước bạ nhà đất	48.892.785.833	48.892.785.833	
2. Thuế SD đất phi nông nghiệp	5.398.944.619	5.359.865.282	(39.079.337)
3. Phí - lệ phí	425.206.796	425.206.796	
4. Lệ phí môn bài	703.358.861	704.358.861	1.000.000
5. Thu khác ngân sách	2.501.518.028	2.501.518.028	
6. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	607.614.633.117	607.614.633.117	
6.1. Bổ sung cân đối	545.018.000.000	545.018.000.000	
6.2. Bổ sung có mục tiêu	62.596.633.117	62.596.633.117	
7. Thu chuyển nguồn		19.230.907.236	19.230.907.236

2.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 683.584.436.592 đồng

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Nghị quyết 01/NQ-HĐND (ngày 27/03/2026)	Sau khi điều chỉnh	Tăng, giảm
1	2	3	4
TỔNG SỐ	543.099.827.439	683.584.436.592	140.484.609.153
1. Chi thường xuyên	522.042.696.912	522.042.696.912	
1.1. Chi quốc phòng	19.399.444.799	19.399.444.799	
1.2. Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	20.479.917.083	20.479.917.083	
1.3. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	343.688.343.397	343.688.343.397	
1.4. Chi y tế, dân số và gia đình	9.076.783.590	9.076.783.590	
1.5. Chi văn hóa thông tin	12.585.747.780	12.585.747.780	
1.6. Chi thể dục thể thao	175.813.000	175.813.000	
1.7. Chi bảo vệ môi trường	43.500.000	43.500.000	
1.8. Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	89.027.778.838	89.027.778.838	
1.9. Chi đảm bảo xã hội	27.565.368.425	27.565.368.425	
2. Chi chuyển nguồn	12.409.066.626	152.893.675.779	140.484.609.153
3. Chi nộp ngân sách cấp trên	8.648.063.901	8.648.063.901	

4. Xử lý kết dư ngân sách:

Tại Khoản 1 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025:
“Xử lý kết dư ngân sách nhà nước

1. ...Kết dư ngân sách cấp xã được hạch toán vào thu ngân sách năm sau”.

Do đó, nguồn kết dư ngân sách phường An Lạc năm 2025 sau khi được Hội đồng nhân dân phường An Lạc thông qua sẽ được hạch toán vào thu ngân sách năm 2026.

B. NHỮNG NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH

Căn cứ Công văn số 7590/STC-QLNS ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh các khoản thu chuyển nguồn năm 2025 và phiếu điều chỉnh lập ngày 23 tháng 3 năm 2026 (Mẫu số C6-09NS) của Kho bạc khu vực II - phòng giao dịch số 5. Việc điều chỉnh làm thay đổi số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của phường An Lạc đã được Hội đồng nhân dân phường phê chuẩn tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026.

Để bảo đảm thống nhất với số liệu quyết toán ngân sách do cơ quan tài chính cấp trên xác định và phục vụ công tác quản lý, bàn giao tài chính, ngân sách khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và để cập nhật, thống nhất số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo quy định.

Ủy ban nhân dân phường báo cáo về điều chỉnh số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 của phường theo số liệu được Sở Tài chính điều chỉnh tại Công văn số 7590/STC-QLNS ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc điều chỉnh các khoản thu chuyển nguồn năm 2025 và Kho bạc khu vực II - phòng giao dịch số 5 với phiếu điều chỉnh lập ngày 23 tháng 3 năm 2026 (Mẫu số C6-09NS).

Trên đây là báo cáo về điều chỉnh số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn phường An Lạc. *Nlu*

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- TTUB phường; CT, các PCT;
- VP.HĐND & UBND phường;
- Ban KTNS;
- Phòng KTHTĐT phường;
- Lưu: VT, (KTHTĐT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *pa*
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN LẠC

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

Phần thu	Tổng số	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS xã
1	2	3	4	5	6
Tổng số thu cân đối ngân sách	684.729.275.153	684.729.275.153	Tổng số chi cân đối ngân sách	683.584.436.592	683.584.436.592
1. Các khoản thu NSDP hưởng 100%	6.731.234.696	6.731.234.696	1. Chi đầu tư phát triển	-	-
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	51.152.500.104	51.152.500.104	2. Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	-	-
3. Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-	-	3. Chi thường xuyên	522.042.696.912	522.042.696.912
4. Thu kết dư năm trước	-	-	4. Chi viện trợ	-	-
5. Chuyển nguồn từ năm trước sang	19.230.907.236	19.230.907.236	5. Chi nộp ngân sách cấp trên	8.648.063.901	8.648.063.901
6. Thu viện trợ	-	-	6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-
7. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	607.614.633.117	607.614.633.117	7. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	545.018.000.000	545.018.000.000	8. Chi chuyển nguồn sang năm sau	152.893.675.779	152.893.675.779
- Bổ sung có mục tiêu	62.596.633.117	62.596.633.117	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước	-	-
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	1.144.838.561	1.144.838.561			

Ngày **29-05-2026**
tháng năm 2026
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC II
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5



Nguyễn Văn Toàn

Ngày **29** tháng **05** năm 2026
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

Ngày **29** tháng **05** năm 2026
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khánh

Đơn vị tính: đồng

[illegible]

	- Cơ quan địa phương cấp phép									
18	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác									
19	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế									
20	Thu khác ngân sách		17.009.635.291	12.720.421.615	4.289.213.676	1.787.695.648	2.501.518.028			
	Bao gồm: - Thu khác ngân sách trung ương		-		-					
	- Thu khác ngân sách địa phương		-							
	Trong đó: + Thu phạt vi phạm an toàn giao thông									
	+ Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế thực hiện									
	+ Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa									
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG									
I	Vay bù đắp bội chi NSDP									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
II	Vay để trả nợ gốc vay									
1	Vay trong nước									
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước									
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	521.002.000.000	521.002.000.000	607.614.633.117	-	607.614.633.117	-	607.614.633.117	116,62%	116,62%
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	521.002.000.000	521.002.000.000	607.614.633.117	-	607.614.633.117	-	607.614.633.117	116,62%	116,62%
1	Bổ sung cân đối	521.002.000.000	521.002.000.000	545.018.000.000		545.018.000.000		545.018.000.000	104,61%	104,61%
2	Bổ sung có mục tiêu			62.596.633.117	-	62.596.633.117	-	62.596.633.117		
-	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước			62.596.633.117		62.596.633.117		62.596.633.117		
-	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước					-				
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên									
D	THU CHUYỂN NGUỒN			19.230.907.236		19.230.907.236		19.230.907.236		
E	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH									

Ghi chú: Đây là mẫu chung cho cấp tỉnh, huyện, xã, khi báo cáo, dùng và in các chỉ tiêu thuộc phạm vi được giao quản lý của cấp tương ứng

Ngày 29 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC KBNN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Toàn

Ngày 29 tháng 05 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

An Lạc, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN LẠC**

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3):(1)	(6)= (3):(2)
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH	544.932.000.000	544.932.000.000	674.936.372.691	674.936.372.691	123,86%	123,86%
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-	-		
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án, nhiệm vụ...	-	-	-	-		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công ích...	-	-	-			
3	Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển KT-XH tại địa phương	-	-	-			
4	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-			
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định	-	-	-			
III	Chi thường xuyên	544.932.000.000	544.932.000.000	522.042.696.912	522.042.696.912	95,80%	95,80%
2.1	Chi quốc phòng	11.415.000.000	11.415.000.000	19.399.444.799	19.399.444.799	169,95%	169,95%
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	24.921.000.000	24.921.000.000	20.479.917.083	20.479.917.083	82,18%	82,18%
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	366.648.000.000	366.648.000.000	343.688.343.397	343.688.343.397	93,74%	93,74%
2.4	Chi Khoa học và công nghệ	-	-	-	-		
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình	5.735.000.000	5.735.000.000	9.076.783.590	9.076.783.590	158,27%	158,27%
2.6	Chi Văn hóa thông tin	11.006.000.000	11.006.000.000	12.585.747.780	12.585.747.780	114,35%	114,35%
2.7	Chi thể dục thể thao	450.000.000	450.000.000	175.813.000	175.813.000	39,07%	39,07%
2.8	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-	-		
2.9	Chi Bảo vệ môi trường	958.000.000	958.000.000	43.500.000	43.500.000	4,54%	4,54%
2.10	Chi các hoạt động kinh tế	1.311.000.000	1.311.000.000	-	-	0,00%	0,00%
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	79.454.000.000	79.454.000.000	89.027.778.838	89.027.778.838	112,05%	112,05%
2.12	Chi Bảo đảm xã hội	32.555.000.000	32.555.000.000	27.565.368.425	27.565.368.425	84,67%	84,67%
2.13	Chi khác	-	-	-	-		

STT	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm		So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSDP	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3):(1)	(6)= (3):(2)
2.14	Dự phòng ngân sách	10.479.000.000	10.479.000.000				
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
V	Chi viện trợ			-	-		
VI	Chi cho vay theo quy định của Chính phủ			-	-		
VII	Chi chuyển nguồn			152.893.675.779	152.893.675.779		
VIII	Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước			-	-		
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI						
1	Bổ sung cân đối						
2	Bổ sung có mục tiêu						
	Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước						
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước						
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN			8.648.063.901	8.648.063.901		
	TỔNG SỐ (A+B+C)	544.932.000.000	544.932.000.000	683.584.436.592	683.584.436.592	125,44%	125,44%

Ngày 29 tháng 05 năm 2026
 KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC II
 PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5



Nguyễn Văn Toàn

Ngày 29 tháng 05 năm 2026
 PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
 TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

Ngày 29 tháng 05 năm 2026
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Khánh

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Cấp	Chương	Mục	Tiểu mục	NSNN	NSTW	NSDP	Chia ra	
							NS cấp tỉnh	NS cấp xã
				1.699.043.619.377	464.054.027.113	1.234.989.592.264	550.260.317.111	684.729.275.153
1				12.115.355.798	5.583.264.436	6.532.091.362	6.182.344.692	349.746.670
1	009			5.093.166.967	5.093.166.967	0	0	0
1	009	2400		60.000	60.000	0	0	0
1	009	2400	2418	60.000	60.000	0	0	0
1	009	2750		121.840.000	121.840.000	0	0	0
1	009		2767	113.662.500	113.662.500	0	0	0
1	009		2768	8.177.500	8.177.500	0	0	0
1	009	2800		4.970.950.000	4.970.950.000	0	0	0
1	009		2827	4.970.950.000	4.970.950.000	0	0	0
1	009	4900		316.967	316.967	0	0	0
1	009		4949	316.967	316.967	0	0	0
1	016			9.187.920	0	9.187.920	0	9.187.920
1		1600		9.187.920	0	9.187.920	0	9.187.920
1			1603	9.187.920	0	9.187.920	0	9.187.920
1	124			197.658	0	197.658	0	197.658
1		1600		197.658	0	197.658	0	197.658
1			1603	197.658	0	197.658	0	197.658
1	132			43.944.640	0	43.944.640	30.323.200	13.621.440
1		1600		13.621.440	0	13.621.440	0	13.621.440
1			1603	13.621.440	0	13.621.440	0	13.621.440
1		3600		30.323.200	0	30.323.200	30.323.200	0
1			3601	30.323.200	0	30.323.200	30.323.200	0
1	151			6.048.088.422	173.707.848	5.874.380.574	5.858.016.198	16.364.376
1		1550		291.520	0	291.520	291.520	0
1			1558	291.520	0	291.520	291.520	0
1		1600		16.364.376	0	16.364.376	0	16.364.376
1			1603	16.364.376	0	16.364.376	0	16.364.376
1		1700		176.277.133	132.207.848	44.069.285	44.069.285	0
1			1701	176.277.133	132.207.848	44.069.285	44.069.285	0
1		3600		5.813.655.050	0	5.813.655.050	5.813.655.050	0
1			3601	5.813.655.050	0	5.813.655.050	5.813.655.050	0
1		4250		41.500.000	41.500.000	0	0	0
1			4254	41.500.000	41.500.000	0	0	0
1		4900		343	0	343	343	0
1			4927	343	0	343	343	0
1	154			676.338.366	179.076.248	497.262.118	187.920.756	309.341.362
1		1600		10.141.110	0	10.141.110	0	10.141.110
1			1602	1.876.854	0	1.876.854	0	1.876.854
1			1603	8.264.256	0	8.264.256	0	8.264.256
1		1700		238.768.332	179.076.248	59.692.084	59.692.084	0
1			1701	238.768.332	179.076.248	59.692.084	59.692.084	0
1		2800		427.428.924	0	427.428.924	128.228.672	299.200.252
1			2801	427.428.924	0	427.428.924	128.228.672	299.200.252
1	158			793.914	0	793.914	0	793.914
1		1600		793.914	0	793.914	0	793.914
1			1602	793.914	0	793.914	0	793.914
1	160			289.968	0	289.968	49.968	240.000
1		1600		240.000	0	240.000	0	240.000
1			1602	240.000	0	240.000	0	240.000
1		4900		49.968	0	49.968	49.968	0
1			4944	49.968	0	49.968	49.968	0
1	162			183.084.505	137.313.373	45.771.132	45.771.132	0
1		1050		92.641.842	69.481.378	23.160.464	23.160.464	0
1			1052	92.641.842	69.481.378	23.160.464	23.160.464	0
1		1700		90.442.663	67.831.995	22.610.668	22.610.668	0

1			1701	90.442.663	67.831.995	22.610.668	22.610.668	0
1	176			60.263.438	0	60.263.438	60.263.438	0
1		2800		59.100.000	0	59.100.000	59.100.000	0
1			2802	59.100.000	0	59.100.000	59.100.000	0
1		2850		1.000.000	0	1.000.000	1.000.000	0
1			2864	1.000.000	0	1.000.000	1.000.000	0
1		4900		163.438	0	163.438	163.438	0
1			4944	163.438	0	163.438	163.438	0
2				338.905.055.439	20.969.865.062	317.935.190.377	315.200.891.796	2.734.298.581
2	414			5.790.692	2.843.019	2.947.673	2.947.673	0
2		1700		3.790.692	2.843.019	947.673	947.673	0
2			1701	3.790.692	2.843.019	947.673	947.673	0
2		2850		2.000.000	0	2.000.000	2.000.000	0
2			2864	2.000.000	0	2.000.000	2.000.000	0
2	417			15.503.596	12.530.259	2.973.337	2.973.337	0
2		1700		9.142.398	6.856.798	2.285.600	2.285.600	0
2			1701	9.142.398	6.856.798	2.285.600	2.285.600	0
2		4250		3.610.250	3.610.250	0	0	0
2			4268	3.500.000	3.500.000	0	0	0
2			4272	110.250	110.250	0	0	0
2		4900		2.750.948	2.063.211	687.737	687.737	0
2			4931	2.750.948	2.063.211	687.737	687.737	0
2	419			1.848.764	0	1.848.764	0	1.848.764
2		1600		1.848.764	0	1.848.764	0	1.848.764
2			1602	1.848.764	0	1.848.764	0	1.848.764
2	422			747.569.459	560.677.093	186.892.366	186.892.366	0
2		1050		574.901.496	431.176.122	143.725.374	143.725.374	0
2			1052	574.901.496	431.176.122	143.725.374	143.725.374	0
2		1700		172.667.963	129.500.971	43.166.992	43.166.992	0
2			1701	172.667.963	129.500.971	43.166.992	43.166.992	0
2	435			79.236.282	57.591.286	21.644.996	21.644.996	0
2		1050		38.394.191	28.795.643	9.598.548	9.598.548	0
2			1052	38.394.191	28.795.643	9.598.548	9.598.548	0
2		1700		38.394.191	28.795.643	9.598.548	9.598.548	0
2			1701	38.394.191	28.795.643	9.598.548	9.598.548	0
2		2450		2.447.900	0	2.447.900	2.447.900	0
2			2457	2.447.900	0	2.447.900	2.447.900	0
2	551			167.539.606	34.430.664	133.108.942	72.460.222	60.648.720
2		1600		60.648.720	0	60.648.720	0	60.648.720
2			1603	60.648.720	0	60.648.720	0	60.648.720
2		1700		30.259.636	22.694.727	7.564.909	7.564.909	0
2			1701	30.259.636	22.694.727	7.564.909	7.564.909	0
2		2800		64.340.000	0	64.340.000	64.340.000	0
2			2802	64.340.000	0	64.340.000	64.340.000	0
2		2850		500.000	0	500.000	500.000	0
2			2864	500.000	0	500.000	500.000	0
2		4250		11.570.000	11.570.000	0	0	0
2			4268	11.500.000	11.500.000	0	0	0
2			4272	70.000	70.000	0	0	0
2		4900		221.250	165.937	55.313	55.313	0
2			4931	221.250	165.937	55.313	55.313	0
2	552			154.791.681	12.521.250	142.270.431	53.100	142.217.331
2		1600		142.217.331	0	142.217.331	0	142.217.331
2			1603	142.217.331	0	142.217.331	0	142.217.331
2		4250		12.521.250	12.521.250	0	0	0
2			4254	12.521.250	12.521.250	0	0	0
2		4900		53.100	0	53.100	53.100	0
2			4944	53.100	0	53.100	53.100	0
2	554			310.400.809.135	3.070.552.261	307.330.256.874	305.053.013.090	2.277.243.784
2		1050		1.293.048.572	969.786.428	323.262.144	323.262.144	0
2			1052	1.293.048.572	969.786.428	323.262.144	323.262.144	0
2		1550		128.960	0	128.960	128.960	0
2			1558	128.960	0	128.960	128.960	0
2		1600		424.575.575	0	424.575.575	0	424.575.575
2			1602	113.734.545	0	113.734.545	0	113.734.545
2			1603	310.841.030	0	310.841.030	0	310.841.030
2		1700		1.586.048.013	1.189.536.007	396.512.006	396.512.006	0

2			1701	1.578.548.013	1.183.911.007	394.637.006	394.637.006	0
2			1749	7.500.000	5.625.000	1.875.000	1.875.000	0
2		2800		3.524.242.819	0	3.524.242.819	1.671.574.610	1.852.668.209
2			2801	2.646.668.819	0	2.646.668.819	794.000.610	1.852.668.209
2			2802	877.574.000	0	877.574.000	877.574.000	0
2		2850		9.000.000	0	9.000.000	9.000.000	0
2			2862	500.000	0	500.000	500.000	0
2			2863	5.000.000	0	5.000.000	5.000.000	0
2			2864	3.500.000	0	3.500.000	3.500.000	0
2		3600		302.495.736.530	0	302.495.736.530	302.495.736.530	0
2			3601	4.317.226.978	0	4.317.226.978	4.317.226.978	0
2			3605	298.178.509.552	0	298.178.509.552	298.178.509.552	0
2		4250		416.094.482	416.094.482	0	0	0
2			4254	407.332.982	407.332.982	0	0	0
2			4268	8.750.000	8.750.000	0	0	0
2			4272	11.500	11.500	0	0	0
2		4900		651.934.184	495.135.344	156.798.840	156.798.840	0
2			4918	305.252.333	228.939.248	76.313.085	76.313.085	0
2			4931	307.274.873	230.456.153	76.818.720	76.818.720	0
2			4943	35.739.943	35.739.943	0	0	0
2			4944	3.667.035	0	3.667.035	3.667.035	0
2	555			1.684.602.933	460.567.635	1.224.035.298	1.209.703.698	14.331.600
2		1050		338.136.735	253.602.549	84.534.186	84.534.186	0
2			1052	338.136.735	253.602.549	84.534.186	84.534.186	0
2		1600		14.331.600	0	14.331.600	0	14.331.600
2			1603	14.331.600	0	14.331.600	0	14.331.600
2		1700		166.280.770	124.710.576	41.570.194	41.570.194	0
2			1701	166.280.770	124.710.576	41.570.194	41.570.194	0
2		2800		486.380.000	0	486.380.000	486.380.000	0
2			2802	486.380.000	0	486.380.000	486.380.000	0
2		2850		500.000	0	500.000	500.000	0
2			2864	500.000	0	500.000	500.000	0
2		3600		571.475.750	0	571.475.750	571.475.750	0
2			3601	571.475.750	0	571.475.750	571.475.750	0
2		4250		7.001.750	7.001.750	0	0	0
2			4254	3.500.000	3.500.000	0	0	0
2			4268	3.500.000	3.500.000	0	0	0
2			4272	1.750	1.750	0	0	0
2		4900		100.496.328	75.252.760	25.243.568	25.243.568	0
2			4918	97.994.762	73.496.071	24.498.691	24.498.691	0
2			4931	2.342.254	1.756.689	585.565	585.565	0
2			4944	159.312	0	159.312	159.312	0
2	557			17.005.520.902	12.572.321.028	4.433.199.874	4.226.569.649	206.630.225
2		1000		16.612.020.446	12.459.015.300	4.153.005.146	4.153.005.146	0
2			1001	14.973.097.969	11.229.823.446	3.743.274.523	3.743.274.523	0
2			1003	18.557.275	13.917.956	4.639.319	4.639.319	0
2			1004	1.384.466.978	1.038.350.232	346.116.746	346.116.746	0
2			1005	120.000	90.000	30.000	30.000	0
2			1006	32.600.000	24.450.000	8.150.000	8.150.000	0
2			1014	191.086.514	143.314.884	47.771.630	47.771.630	0
2			1015	7.543.610	5.657.707	1.885.903	1.885.903	0
2			1049	4.548.100	3.411.075	1.137.025	1.137.025	0
2		1600		206.630.225	0	206.630.225	0	206.630.225
2			1602	206.618.219	0	206.618.219	0	206.618.219
2			1603	12.006	0	12.006	0	12.006
2		1700		43.758.612	32.818.958	10.939.654	10.939.654	0
2			1701	43.758.612	32.818.958	10.939.654	10.939.654	0
2		4250		10.886.125	10.886.125	0	0	0
2			4268	5.250.000	5.250.000	0	0	0
2			4272	5.636.125	5.636.125	0	0	0
2		4900		132.225.494	69.600.645	62.624.849	62.624.849	0
2			4917	84.969.923	63.727.525	21.242.398	21.242.398	0
2			4931	7.830.828	5.873.120	1.957.708	1.957.708	0
2			4944	39.424.743	0	39.424.743	39.424.743	0
2	561			133.982.450	100.486.835	33.495.615	33.495.615	0
2		1050		67.091.710	50.318.781	16.772.929	16.772.929	0
2			1052	67.091.710	50.318.781	16.772.929	16.772.929	0

PHÒNG
KINH
TÂN
ĐÔ
C-T.P

2		1700		66.890.740	50.168.054	16.722.686	16.722.686	0
2			1701	66.890.740	50.168.054	16.722.686	16.722.686	0
2	562			5.277.576.857	3.964.182.639	1.313.394.218	1.313.394.218	0
2		1050		2.725.120.753	2.043.840.564	681.280.189	681.280.189	0
2			1052	2.725.120.753	2.043.840.564	681.280.189	681.280.189	0
2		1700		2.527.680.423	1.895.760.317	631.920.106	631.920.106	0
2			1701	2.527.680.423	1.895.760.317	631.920.106	631.920.106	0
2		4250		24.000.000	24.000.000	0	0	0
2			4254	24.000.000	24.000.000	0	0	0
2		4900		775.681	581.758	193.923	193.923	0
2			4918	70.898	53.172	17.726	17.726	0
2			4931	704.783	528.586	176.197	176.197	0
2	564			3.183.723.082	121.161.093	3.062.561.989	3.031.183.832	31.378.157
2		1050		150.000.000	112.500.000	37.500.000	37.500.000	0
2			1052	150.000.000	112.500.000	37.500.000	37.500.000	0
2		1600		31.378.157	0	31.378.157	0	31.378.157
2			1602	11.219.424	0	11.219.424	0	11.219.424
2			1603	20.158.733	0	20.158.733	0	20.158.733
2		1700		11.548.125	8.661.093	2.887.032	2.887.032	0
2			1701	11.548.125	8.661.093	2.887.032	2.887.032	0
2		2850		500.000	0	500.000	500.000	0
2			2864	500.000	0	500.000	500.000	0
2		3600		2.990.294.400	0	2.990.294.400	2.990.294.400	0
2			3601	2.990.294.400	0	2.990.294.400	2.990.294.400	0
2		4900		2.400	0	2.400	2.400	0
2			4944	2.400	0	2.400	2.400	0
2	599			46.560.000	0	46.560.000	46.560.000	0
2		2800		46.560.000	0	46.560.000	46.560.000	0
2			2802	46.560.000	0	46.560.000	46.560.000	0
3				133.465.995	0	133.465.995	133.765.995	-300.000
3	757			133.465.995	0	133.465.995	133.765.995	-300.000
3		2850		-1.300.000	0	-1.300.000	-1.000.000	-300.000
3			2863	-300.000	0	-300.000	0	-300.000
3			2864	-1.000.000	0	-1.000.000	-1.000.000	0
3		4900		134.765.995	0	134.765.995	134.765.995	0
3			4944	134.765.995	0	134.765.995	134.765.995	0
4				1.328.658.834.909	437.500.897.615	891.157.937.294	228.743.314.628	662.414.622.666
4	805			1.687.555.618	0	1.687.555.618	1.476.129.222	211.426.396
4		2700		180.031.796	0	180.031.796	0	180.031.796
4			2716	180.031.796	0	180.031.796	0	180.031.796
4		2750		17.333.000	0	17.333.000	0	17.333.000
4			2771	17.333.000	0	17.333.000	0	17.333.000
4		4250		1.022.620.025	0	1.022.620.025	1.022.620.025	0
4			4252	187.250.000	0	187.250.000	187.250.000	0
4			4267	270.500.000	0	270.500.000	270.500.000	0
4			4299	564.870.025	0	564.870.025	564.870.025	0
4		4900		467.570.797	0	467.570.797	453.509.197	14.061.600
4			4902	14.061.600	0	14.061.600	0	14.061.600
4			4949	453.509.197	0	453.509.197	453.509.197	0
4	810			541.408.825	0	541.408.825	15.808.825	525.600.000
4		4250		541.408.825	0	541.408.825	15.808.825	525.600.000
4			4252	29.308.825	0	29.308.825	6.058.825	23.250.000
4			4261	1.500.000	0	1.500.000	0	1.500.000
4			4299	510.600.000	0	510.600.000	9.750.000	500.850.000
4	821			953.000	714.750	238.250	238.250	0
4		1700		953.000	714.750	238.250	238.250	0
4			1701	953.000	714.750	238.250	238.250	0
4	822			2.875.012.587	2.159.204.862	715.807.725	715.807.725	0
4		1050		2.785.970.376	2.089.477.779	696.492.597	696.492.597	0
4			1052	2.785.970.376	2.089.477.779	696.492.597	696.492.597	0
4		1700		76.509.799	57.382.349	19.127.450	19.127.450	0
4			1701	76.509.799	57.382.349	19.127.450	19.127.450	0
4		4250		11.781.700	11.781.700	0	0	0
4			4254	7.000.000	7.000.000	0	0	0
4			4272	4.781.700	4.781.700	0	0	0
4		4900		750.712	563.034	187.678	187.678	0
4			4918	750.712	563.034	187.678	187.678	0

4	826			194.779	0	194.779	194.779	0
4		4900		194.779	0	194.779	194.779	0
4			4944	194.779	0	194.779	194.779	0
4	830			224.413.957	0	224.413.957	0	224.413.957
4		4250		224.413.957	0	224.413.957	0	224.413.957
4			4252	37.500.000	0	37.500.000	0	37.500.000
4			4261	17.500.000	0	17.500.000	0	17.500.000
4			4267	2.500.000	0	2.500.000	0	2.500.000
4			4299	166.913.957	0	166.913.957	0	166.913.957
4	833			227.842.000	0	227.842.000	0	227.842.000
4		2700		185.027.000	0	185.027.000	0	185.027.000
4			2716	185.027.000	0	185.027.000	0	185.027.000
4		2750		31.138.000	0	31.138.000	0	31.138.000
4			2771	31.138.000	0	31.138.000	0	31.138.000
4		2800		9.177.000	0	9.177.000	0	9.177.000
4			2805	9.177.000	0	9.177.000	0	9.177.000
4		2850		2.500.000	0	2.500.000	0	2.500.000
4			2852	2.500.000	0	2.500.000	0	2.500.000
4	854			238.909.140.018	174.205.086.225	64.704.053.793	63.112.955.281	1.591.098.512
4		1050		63.534.304.887	47.648.609.840	15.885.695.047	15.885.695.047	0
4			1052	63.534.304.887	47.648.609.840	15.885.695.047	15.885.695.047	0
4		1550		148.800	0	148.800	148.800	0
4			1558	148.800	0	148.800	148.800	0
4		1600		121.410.129	0	121.410.129	0	121.410.129
4			1602	22.812.200	0	22.812.200	0	22.812.200
4			1603	98.597.929	0	98.597.929	0	98.597.929
4		1700		153.053.056.340	114.789.792.195	38.263.264.145	38.263.264.145	0
4			1701	153.053.056.340	114.789.792.195	38.263.264.145	38.263.264.145	0
4		1750		190.867.389	143.150.541	47.716.848	47.716.848	0
4			1757	190.867.389	143.150.541	47.716.848	47.716.848	0
4		2000		66.750.000	56.737.500	10.012.500	10.012.500	0
4			2007	66.750.000	56.737.500	10.012.500	10.012.500	0
4		2800		7.786.853.641	0	7.786.853.641	6.484.720.009	1.302.133.632
4			2801	1.860.190.881	0	1.860.190.881	558.057.249	1.302.133.632
4			2802	5.750.418.960	0	5.750.418.960	5.750.418.960	0
4			2803	65.000.000	0	65.000.000	65.000.000	0
4			2804	107.081.200	0	107.081.200	107.081.200	0
4			2824	4.162.600	0	4.162.600	4.162.600	0
4		2850		517.424.368	0	517.424.368	517.424.368	0
4			2862	33.100.000	0	33.100.000	33.100.000	0
4			2863	379.824.369	0	379.824.369	379.824.369	0
4			2864	104.499.999	0	104.499.999	104.499.999	0
4		3600		100.000.000	0	100.000.000	100.000.000	0
4			3601	100.000.000	0	100.000.000	100.000.000	0
4		4250		6.215.803.591	6.215.649.241	154.350	154.350	0
4			4254	5.932.607.800	5.932.607.800	0	0	0
4			4268	131.551.741	131.551.741	0	0	0
4			4272	151.489.700	151.489.700	0	0	0
4			4299	154.350	0	154.350	154.350	0
4		4900		7.322.520.873	5.351.146.908	1.971.373.965	1.803.819.214	167.554.751
4			4918	3.575.079.447	2.681.277.175	893.802.272	893.802.272	0
4			4931	3.556.620.809	2.667.465.570	889.155.239	889.155.239	0
4			4934	233.946	175.460	58.486	58.486	0
4			4943	2.228.703	2.228.703	0	0	0
4			4944	181.852.968	0	181.852.968	19.803.217	162.049.751
4			4949	6.505.000	0	6.505.000	1.000.000	5.505.000
4	855			94.943.069.835	68.737.852.771	26.205.217.064	25.047.369.411	1.157.847.653
4		1050		17.114.943.992	12.836.207.984	4.278.736.008	4.278.736.008	0
4			1052	17.114.943.992	12.836.207.984	4.278.736.008	4.278.736.008	0
4		1550		864.000	0	864.000	864.000	0
4			1558	864.000	0	864.000	864.000	0
4		1600		11.017	0	11.017	0	11.017
4			1603	11.017	0	11.017	0	11.017
4		1700		67.034.897.359	50.276.172.978	16.758.724.381	16.758.724.381	0
4			1701	67.034.897.359	50.276.172.978	16.758.724.381	16.758.724.381	0
4		1750		348.979.789	303.800.194	45.179.595	45.179.595	0
4			1757	180.718.376	135.538.781	45.179.595	45.179.595	0

4			1763	130.311.999	130.311.999	0	0	0
4			1767	37.949.414	37.949.414	0	0	0
4		2800		4.046.317.786	0	4.046.317.786	2.965.075.507	1.081.242.279
4			2801	1.544.631.826	0	1.544.631.826	463.389.547	1.081.242.279
4			2802	2.492.101.760	0	2.492.101.760	2.492.101.760	0
4			2803	2.200.000	0	2.200.000	2.200.000	0
4			2824	7.384.200	0	7.384.200	7.384.200	0
4		2850		481.800.000	0	481.800.000	481.800.000	0
4			2862	38.000.000	0	38.000.000	38.000.000	0
4			2863	344.300.000	0	344.300.000	344.300.000	0
4			2864	99.500.000	0	99.500.000	99.500.000	0
4		4250		3.796.992.924	3.796.992.924	0	0	0
4			4254	3.501.232.706	3.501.232.706	0	0	0
4			4268	103.173.825	103.173.825	0	0	0
4			4272	192.586.393	192.586.393	0	0	0
4		4900		2.118.262.968	1.524.678.691	593.584.277	516.989.920	76.594.357
4			4918	877.445.426	658.084.048	219.361.378	219.361.378	0
4			4931	1.155.082.071	866.311.529	288.770.542	288.770.542	0
4			4934	162.478	121.857	40.621	40.621	0
4			4943	161.257	161.257	0	0	0
4			4944	83.911.736	0	83.911.736	8.817.379	75.094.357
4			4949	1.500.000	0	1.500.000	0	1.500.000
4	856			5.257.451.406	3.772.391.206	1.485.060.200	1.485.029.900	30.300
4		1050		513.056.783	384.792.587	128.264.196	128.264.196	0
4			1052	513.056.783	384.792.587	128.264.196	128.264.196	0
4		1700		4.329.387.035	3.247.040.275	1.082.346.760	1.082.346.760	0
4			1701	4.329.387.035	3.247.040.275	1.082.346.760	1.082.346.760	0
4		2800		251.277.640	0	251.277.640	251.277.640	0
4			2802	251.277.640	0	251.277.640	251.277.640	0
4		4250		71.134.435	71.134.435	0	0	0
4			4254	68.917.647	68.917.647	0	0	0
4			4272	2.216.788	2.216.788	0	0	0
4		4900		92.595.513	69.423.909	23.171.604	23.141.304	30.300
4			4918	46.116.927	34.587.694	11.529.233	11.529.233	0
4			4931	46.448.286	34.836.215	11.612.071	11.612.071	0
4			4944	30.300	0	30.300	0	30.300
4	857			365.164.913.915	181.384.669.448	183.780.244.467	132.918.811.636	50.861.432.831
4		1000		189.353.553.044	141.904.985.747	47.448.567.297	47.448.567.297	0
4			1001	45.631.769.142	34.116.904.601	11.514.864.541	11.514.864.541	0
4			1003	15.202.667.368	11.398.743.809	3.803.923.559	3.803.923.559	0
4			1004	2.732.199.282	2.049.149.461	683.049.821	683.049.821	0
4			1005	6.600.000	4.950.000	1.650.000	1.650.000	0
4			1006	110.951.932.487	83.213.949.353	27.737.983.134	27.737.983.134	0
4			1007	12.800.000	9.600.000	3.200.000	3.200.000	0
4			1012	130.814.500	98.110.875	32.703.625	32.703.625	0
4			1014	14.610.785.265	10.958.088.898	3.652.696.367	3.652.696.367	0
4			1015	73.985.000	55.488.750	18.496.250	18.496.250	0
4		1050		139.943.600	104.957.700	34.985.900	34.985.900	0
4			1052	135.517.920	101.638.440	33.879.480	33.879.480	0
4			1099	4.425.680	3.319.260	1.106.420	1.106.420	0
4		1400		22.963.007.508	0	22.963.007.508	22.963.007.508	0
4			1401	22.132.064.508	0	22.132.064.508	22.132.064.508	0
4			1411	830.943.000	0	830.943.000	830.943.000	0
4		1600		4.306.267.346	0	4.306.267.346	0	4.306.267.346
4			1601	5.040.549	0	5.040.549	0	5.040.549
4			1602	4.189.661.472	0	4.189.661.472	0	4.189.661.472
4			1603	111.446.525	0	111.446.525	0	111.446.525
4			1649	118.800	0	118.800	0	118.800
4		1700		44.633.416.019	33.475.061.893	11.158.354.126	11.158.354.126	0
4			1701	44.627.116.019	33.470.336.893	11.156.779.126	11.156.779.126	0
4			1749	6.300.000	4.725.000	1.575.000	1.575.000	0
4		1750		39.600.000	29.700.000	9.900.000	9.900.000	0
4			1757	39.600.000	29.700.000	9.900.000	9.900.000	0
4		2800		93.658.382.160	0	93.658.382.160	49.300.840.699	44.357.541.461
4			2801	63.367.915.561	0	63.367.915.561	19.010.374.100	44.357.541.461
4			2802	28.619.507.620	0	28.619.507.620	28.619.507.620	0
4			2803	4.300.000	0	4.300.000	4.300.000	0

4			2804	8.818.846	0	8.818.846	8.818.846	0
4			2824	1.657.840.133	0	1.657.840.133	1.657.840.133	0
4		2850		704.658.861	0	704.658.861	0	704.658.861
4			2862	315.331.000	0	315.331.000	0	315.331.000
4			2863	142.050.000	0	142.050.000	0	142.050.000
4			2864	247.277.861	0	247.277.861	0	247.277.861
4		3600		617.791.223	0	617.791.223	617.791.223	0
4			3601	617.791.223	0	617.791.223	617.791.223	0
4		4250		1.976.379.672	1.976.379.672	0	0	0
4			4254	1.153.558.632	1.153.558.632	0	0	0
4			4268	736.878.991	736.878.991	0	0	0
4			4272	85.942.049	85.942.049	0	0	0
4		4900		6.771.914.482	3.893.584.436	2.878.330.046	1.385.364.883	1.492.965.163
4			4917	2.126.443.598	1.594.832.180	531.611.418	531.611.418	0
4			4918	5.654.647	4.240.984	1.413.663	1.413.663	0
4			4931	3.059.349.189	2.294.511.272	764.837.917	764.837.917	0
4			4944	1.578.617.048	0	1.578.617.048	87.351.885	1.491.265.163
4			4949	1.850.000	0	1.850.000	150.000	1.700.000
4	860			607.614.633.117	0	607.614.633.117	0	607.614.633.117
4		4650		607.614.633.117	0	607.614.633.117	0	607.614.633.117
4			4651	545.018.000.000	0	545.018.000.000	0	545.018.000.000
4			4654	62.596.633.117	0	62.596.633.117	0	62.596.633.117
4		0900		19.230.907.236	0	19.230.907.236	0	19.230.907.236
4			0913	18.086.068.675	0	18.086.068.675	0	18.086.068.675
4			0914	32.838.561	0	32.838.561	0	32.838.561
4			0915	1.112.000.000	0	1.112.000.000	0	1.112.000.000
4	989			11.212.245.852	7.240.978.353	3.971.267.499	3.970.969.599	297.900
4		1050		5.900.709.487	4.425.532.111	1.475.177.376	1.475.177.376	0
4			1052	5.900.709.487	4.425.532.111	1.475.177.376	1.475.177.376	0
4		1700		3.483.937.289	2.612.952.964	870.984.325	870.984.325	0
4			1701	3.483.937.289	2.612.952.964	870.984.325	870.984.325	0
4		2800		1.571.427.760	0	1.571.427.760	1.571.427.760	0
4			2802	1.568.535.760	0	1.568.535.760	1.568.535.760	0
4			2824	2.892.000	0	2.892.000	2.892.000	0
4		2850		13.500.000	0	13.500.000	13.500.000	0
4			2863	7.000.000	0	7.000.000	7.000.000	0
4			2864	6.500.000	0	6.500.000	6.500.000	0
4		4250		82.852.916	82.852.916	0	0	0
4			4254	82.097.666	82.097.666	0	0	0
4			4272	755.250	755.250	0	0	0
4		4900		159.818.400	119.640.362	40.178.038	39.880.138	297.900
4			4918	97.284.790	72.963.588	24.321.202	24.321.202	0
4			4931	62.235.710	46.676.774	15.558.936	15.558.936	0
4			4944	297.900	0	297.900	0	297.900

29-05-2026

Ngày tháng năm 2026

KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC II
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5



Nguyễn Văn Toàn

Ngày 29 tháng 05 năm 2026

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TÀNG VÀ ĐÔ THỊ

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

QUYẾT TOÁN CHI, TRẢ NỢ NSDP THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
IV						683.584.436.592
	800					683.584.436.592
	800	010				19.399.444.799
	800	010	011			19.399.444.799
	800	010	011	6000		166.885.417
	800	010	011	6000	6001	166.885.417
	800	010	011	6100		194.557.339
	800	010	011	6100	6115	27.139.719
	800	010	011	6100	6116	126.192.670
	800	010	011	6100	6124	41.224.950
	800	010	011	6200		16.688.000
	800	010	011	6200	6201	16.688.000
	800	010	011	6250		90.000.000
	800	010	011	6250	6299	90.000.000
	800	010	011	6300		403.765.034
	800	010	011	6300	6301	339.440.735
	800	010	011	6300	6302	60.282.698
	800	010	011	6300	6303	3.073.684
	800	010	011	6300	6349	967.917
	800	010	011	6350		706.016.083
	800	010	011	6350	6353	273.129.012
	800	010	011	6350	6399	432.887.071
	800	010	011	6400		9.610.023.062
	800	010	011	6400	6401	1.517.610.000
	800	010	011	6400	6404	248.071.603
	800	010	011	6400	6449	7.844.341.459
	800	010	011	6500		339.419.875
	800	010	011	6500	6501	141.954.311
	800	010	011	6500	6502	74.863.952
	800	010	011	6500	6503	122.601.612
	800	010	011	6550		53.850.080
	800	010	011	6550	6551	40.518.080
	800	010	011	6550	6599	13.332.000
	800	010	011	6600		1.728.000
	800	010	011	6600	6606	1.728.000
	800	010	011	6750		307.540.000
	800	010	011	6750	6751	281.140.000
	800	010	011	6750	6754	26.400.000
	800	010	011	6900		744.242.857
	800	010	011	6900	6907	742.735.857
	800	010	011	6900	6912	1.507.000
	800	010	011	6950		95.150.000

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	010	011	6950	6955	95.150.000
	800	010	011	7000		6.277.469.052
	800	010	011	7000	7001	46.000.000
	800	010	011	7000	7004	8.171.200
	800	010	011	7000	7049	6.223.297.852
	800	010	011	7750		392.110.000
	800	010	011	7750	7799	392.110.000
	800	040				20.479.917.083
	800	040	041			20.479.917.083
	800	040	041	6400		19.141.060.000
	800	040	041	6400	6449	19.141.060.000
	800	040	041	6500		488.205.661
	800	040	041	6500	6501	361.602.911
	800	040	041	6500	6502	108.860.700
	800	040	041	6500	6503	17.742.050
	800	040	041	6550		89.867.050
	800	040	041	6550	6551	64.276.800
	800	040	041	6550	6599	25.590.250
	800	040	041	6600		3.597.686
	800	040	041	6600	6601	489.686
	800	040	041	6600	6605	3.108.000
	800	040	041	6750		18.700.000
	800	040	041	6750	6754	18.700.000
	800	040	041	6900		56.094.655
	800	040	041	6900	6913	56.094.655
	800	040	041	7000		557.392.031
	800	040	041	7000	7004	519.529.000
	800	040	041	7000	7049	37.863.031
	800	040	041	7750		125.000.000
	800	040	041	7750	7799	125.000.000
	800	070				343.688.343.397
	800	070	071			95.478.053.167
	800	070	071	6000		23.330.666.122
	800	070	071	6000	6001	23.330.666.122
	800	070	071	6100		16.058.725.352
	800	070	071	6100	6101	467.767.738
	800	070	071	6100	6105	4.502.292.635
	800	070	071	6100	6112	7.817.249.837
	800	070	071	6100	6113	56.777.000
	800	070	071	6100	6115	3.214.638.142
	800	070	071	6200		2.312.396.000
	800	070	071	6200	6201	2.291.804.000
	800	070	071	6200	6202	20.592.000
	800	070	071	6300		6.284.807.028
	800	070	071	6300	6301	4.545.857.330
	800	070	071	6300	6302	805.051.934
	800	070	071	6300	6303	537.102.573
	800	070	071	6300	6304	262.703.235
	800	070	071	6300	6349	134.091.956

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	070	071	6400		36.827.547.032
	800	070	071	6400	6449	36.827.547.032
	800	070	071	6500		1.174.250.622
	800	070	071	6500	6501	498.144.934
	800	070	071	6500	6502	649.699.688
	800	070	071	6500	6504	26.406.000
	800	070	071	6550		224.534.626
	800	070	071	6550	6551	143.068.426
	800	070	071	6550	6552	30.720.000
	800	070	071	6550	6599	50.746.200
	800	070	071	6600		46.085.545
	800	070	071	6600	6601	3.842.275
	800	070	071	6600	6605	31.856.710
	800	070	071	6600	6606	6.568.560
	800	070	071	6600	6608	3.818.000
	800	070	071	6650		9.542.600
	800	070	071	6650	6651	1.096.200
	800	070	071	6650	6699	8.446.400
	800	070	071	6700		268.400.000
	800	070	071	6700	6704	268.400.000
	800	070	071	6750		130.258.000
	800	070	071	6750	6754	33.730.000
	800	070	071	6750	6757	84.000.000
	800	070	071	6750	6799	12.528.000
	800	070	071	6900		2.447.761.980
	800	070	071	6900	6907	973.921.532
	800	070	071	6900	6912	3.091.000
	800	070	071	6900	6913	6.944.448
	800	070	071	6900	6949	1.463.805.000
	800	070	071	6950		257.937.600
	800	070	071	6950	6954	79.200.000
	800	070	071	6950	6956	178.737.600
	800	070	071	7000		126.830.076
	800	070	071	7000	7001	41.925.000
	800	070	071	7000	7049	84.905.076
	800	070	071	7750		2.384.792.000
	800	070	071	7750	7757	10.254.000
	800	070	071	7750	7766	2.370.380.000
	800	070	071	7750	7799	4.158.000
	800	070	071	7950		3.451.872.534
	800	070	071	7950	7951	1.208.920.180
	800	070	071	7950	7952	1.681.181.434
	800	070	071	7950	7953	208.027.120
	800	070	071	7950	7954	353.743.800
	800	070	071	8000		141.646.050
	800	070	071	8000	8049	141.646.050
	800	070	072			149.895.799.327
	800	070	072	6000		42.890.321.827
	800	070	072	6000	6001	42.890.321.827



Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	070	072	6100		25.252.246.173
	800	070	072	6100	6101	627.846.148
	800	070	072	6100	6105	1.812.982.836
	800	070	072	6100	6107	38.036.000
	800	070	072	6100	6112	15.924.883.163
	800	070	072	6100	6113	170.793.000
	800	070	072	6100	6115	6.677.705.026
	800	070	072	6200		4.309.499.750
	800	070	072	6200	6201	4.264.429.750
	800	070	072	6200	6202	4.680.000
	800	070	072	6200	6249	40.390.000
	800	070	072	6250		301.635.000
	800	070	072	6250	6299	301.635.000
	800	070	072	6300		11.859.860.639
	800	070	072	6300	6301	8.647.626.923
	800	070	072	6300	6302	1.514.766.943
	800	070	072	6300	6303	942.383.866
	800	070	072	6300	6304	502.621.430
	800	070	072	6300	6349	252.461.477
	800	070	072	6400		50.959.073.970
	800	070	072	6400	6404	215.777.028
	800	070	072	6400	6449	50.743.296.942
	800	070	072	6500		1.848.115.308
	800	070	072	6500	6501	1.213.544.676
	800	070	072	6500	6502	528.250.632
	800	070	072	6500	6504	106.320.000
	800	070	072	6550		630.515.468
	800	070	072	6550	6551	231.938.848
	800	070	072	6550	6552	292.934.000
	800	070	072	6550	6599	105.642.620
	800	070	072	6600		162.843.348
	800	070	072	6600	6601	98.268
	800	070	072	6600	6605	86.902.000
	800	070	072	6600	6606	3.000.000
	800	070	072	6600	6608	56.443.080
	800	070	072	6600	6618	16.400.000
	800	070	072	6700		212.500.000
	800	070	072	6700	6704	212.500.000
	800	070	072	6750		90.977.511
	800	070	072	6750	6754	42.197.511
	800	070	072	6750	6758	41.780.000
	800	070	072	6750	6799	7.000.000
	800	070	072	6900		2.351.900.180
	800	070	072	6900	6907	1.058.539.300
	800	070	072	6900	6912	21.422.000
	800	070	072	6900	6913	37.110.700
	800	070	072	6900	6921	107.988.100
	800	070	072	6900	6949	1.126.840.080
	800	070	072	6950		1.287.311.400

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	070	072	6950	6956	1.287.311.400
	800	070	072	7000		552.303.984
	800	070	072	7000	7001	253.471.284
	800	070	072	7000	7004	27.000.000
	800	070	072	7000	7049	271.832.700
	800	070	072	7050		1.800.000
	800	070	072	7050	7053	1.800.000
	800	070	072	7750		1.982.528.136
	800	070	072	7750	7757	4.950.000
	800	070	072	7750	7766	1.977.578.136
	800	070	072	7950		4.944.473.307
	800	070	072	7950	7951	2.373.545.870
	800	070	072	7950	7952	1.756.759.693
	800	070	072	7950	7953	296.664.149
	800	070	072	7950	7954	517.503.595
	800	070	072	8000		257.893.326
	800	070	072	8000	8049	257.893.326
	800	070	073			96.982.123.058
	800	070	073	6000		26.859.255.053
	800	070	073	6000	6001	26.859.255.053
	800	070	073	6100		16.771.824.938
	800	070	073	6100	6101	369.999.099
	800	070	073	6100	6105	3.469.295.800
	800	070	073	6100	6107	18.741.143
	800	070	073	6100	6112	8.922.422.150
	800	070	073	6100	6113	46.800.000
	800	070	073	6100	6115	3.944.566.746
	800	070	073	6200		2.677.000.000
	800	070	073	6200	6201	2.572.130.000
	800	070	073	6200	6202	104.870.000
	800	070	073	6300		7.259.929.072
	800	070	073	6300	6301	5.250.081.462
	800	070	073	6300	6302	926.120.859
	800	070	073	6300	6303	620.188.975
	800	070	073	6300	6304	309.184.182
	800	070	073	6300	6349	154.353.594
	800	070	073	6400		30.770.008.751
	800	070	073	6400	6449	30.770.008.751
	800	070	073	6500		304.164.911
	800	070	073	6500	6501	254.059.244
	800	070	073	6500	6502	17.605.667
	800	070	073	6500	6504	32.500.000
	800	070	073	6550		92.173.200
	800	070	073	6550	6551	84.223.200
	800	070	073	6550	6552	3.990.000
	800	070	073	6550	6599	3.960.000
	800	070	073	6600		58.232.114
	800	070	073	6600	6601	4.764.611
	800	070	073	6600	6605	10.023.000

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	070	073	6600	6606	5.000.000
	800	070	073	6600	6608	38.444.503
	800	070	073	6700		103.500.000
	800	070	073	6700	6704	103.500.000
	800	070	073	6750		66.402.800
	800	070	073	6750	6751	22.243.000
	800	070	073	6750	6758	12.080.000
	800	070	073	6750	6799	32.079.800
	800	070	073	6900		820.266.776
	800	070	073	6900	6905	3.364.200
	800	070	073	6900	6907	811.402.576
	800	070	073	6900	6913	5.500.000
	800	070	073	6950		655.239.170
	800	070	073	6950	6956	607.500.000
	800	070	073	6950	6999	47.739.170
	800	070	073	7000		241.544.111
	800	070	073	7000	7001	168.915.100
	800	070	073	7000	7004	14.000.000
	800	070	073	7000	7049	58.629.011
	800	070	073	7750		6.378.710.000
	800	070	073	7750	7757	4.950.000
	800	070	073	7750	7766	6.373.760.000
	800	070	073	7950		3.923.872.162
	800	070	073	7950	7951	3.085.767.232
	800	070	073	7950	7952	249.000.000
	800	070	073	7950	7953	524.105
	800	070	073	7950	7954	588.580.825
	800	070	085			1.332.367.845
	800	070	085	6000		294.381.827
	800	070	085	6000	6001	294.381.827
	800	070	085	6100		146.201.081
	800	070	085	6100	6101	14.718.608
	800	070	085	6100	6105	14.735.488
	800	070	085	6100	6112	50.140.489
	800	070	085	6100	6113	936.000
	800	070	085	6100	6115	20.208.976
	800	070	085	6100	6123	16.679.520
	800	070	085	6100	6124	28.782.000
	800	070	085	6200		94.032.000
	800	070	085	6200	6201	83.432.000
	800	070	085	6200	6249	10.600.000
	800	070	085	6300		71.336.397
	800	070	085	6300	6301	56.530.679
	800	070	085	6300	6302	9.870.486
	800	070	085	6300	6304	3.290.162
	800	070	085	6300	6349	1.645.070
	800	070	085	6400		219.512.745
	800	070	085	6400	6449	219.512.745
	800	070	085	6500		16.241.591

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	070	085	6500	6501	11.638.151
	800	070	085	6500	6502	2.143.440
	800	070	085	6500	6504	2.460.000
	800	070	085	6550		7.959.320
	800	070	085	6550	6551	6.903.080
	800	070	085	6550	6599	1.056.240
	800	070	085	6600		598.000
	800	070	085	6600	6605	598.000
	800	070	085	6650		119.690.000
	800	070	085	6650	6652	119.690.000
	800	070	085	7000		77.048.480
	800	070	085	7000	7049	77.048.480
	800	070	085	7750		24.475.780
	800	070	085	7750	7799	24.475.780
	800	070	085	7950		260.890.624
	800	070	085	7950	7951	202.000.000
	800	070	085	7950	7952	32.000.000
	800	070	085	7950	7954	26.890.624
	800	130				9.076.783.590
	800	130	131			22.696.000
	800	130	131	6600		880.000
	800	130	131	6600	6606	880.000
	800	130	131	7000		21.816.000
	800	130	131	7000	7049	21.816.000
	800	130	133			6.307.987.590
	800	130	133	6300		6.307.987.590
	800	130	133	6300	6302	6.307.987.590
	800	130	139			2.395.100.000
	800	130	139	6400		462.000.000
	800	130	139	6400	6449	462.000.000
	800	130	139	7750		1.933.100.000
	800	130	139	7750	7799	1.933.100.000
	800	130	151			351.000.000
	800	130	151	7750		351.000.000
	800	130	151	7750	7799	351.000.000
	800	160				12.585.747.780
	800	160	161			12.585.747.780
	800	160	161	6000		2.910.316.630
	800	160	161	6000	6001	2.910.316.630
	800	160	161	6050		140.400.000
	800	160	161	6050	6051	140.400.000
	800	160	161	6100		77.159.705
	800	160	161	6100	6101	25.852.322
	800	160	161	6100	6113	1.404.000
	800	160	161	6100	6115	49.903.383
	800	160	161	6200		348.600.000
	800	160	161	6200	6201	302.000.000
	800	160	161	6200	6249	46.600.000
	800	160	161	6250		62.195.000

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	160	161	6250	6299	62.195.000
	800	160	161	6300		708.087.246
	800	160	161	6300	6301	537.738.675
	800	160	161	6300	6302	97.426.072
	800	160	161	6300	6303	28.124.132
	800	160	161	6300	6304	31.513.524
	800	160	161	6300	6349	13.284.843
	800	160	161	6400		4.603.171.122
	800	160	161	6400	6449	4.603.171.122
	800	160	161	6500		95.448.699
	800	160	161	6500	6501	89.408.541
	800	160	161	6500	6502	5.514.558
	800	160	161	6500	6503	525.600
	800	160	161	6550		9.493.720
	800	160	161	6550	6551	2.555.000
	800	160	161	6550	6599	6.938.720
	800	160	161	6600		70.233.960
	800	160	161	6600	6601	220.000
	800	160	161	6600	6603	1.575.000
	800	160	161	6600	6605	1.375.000
	800	160	161	6600	6606	67.063.960
	800	160	161	6700		16.000.000
	800	160	161	6700	6704	16.000.000
	800	160	161	6750		416.048.620
	800	160	161	6750	6751	7.800.000
	800	160	161	6750	6754	4.536.000
	800	160	161	6750	6757	334.812.620
	800	160	161	6750	6799	68.900.000
	800	160	161	7000		556.361.157
	800	160	161	7000	7001	33.243.793
	800	160	161	7000	7049	523.117.364
	800	160	161	7750		10.000.000
	800	160	161	7750	7799	10.000.000
	800	160	161	7950		447.503.361
	800	160	161	7950	7951	305.819.017
	800	160	161	7950	7952	39.744.672
	800	160	161	7950	7953	50.969.836
	800	160	161	7950	7954	50.969.836
	800	160	161	8000		2.114.728.560
	800	160	161	8000	8006	2.114.728.560
	800	220				175.813.000
	800	220	221			175.813.000
	800	220	221	6200		24.200.000
	800	220	221	6200	6249	24.200.000
	800	220	221	6600		600.000
	800	220	221	6600	6606	600.000
	800	220	221	6650		4.532.000
	800	220	221	6650	6657	4.000.000
	800	220	221	6650	6699	532.000

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	220	221	6750		53.550.000
	800	220	221	6750	6757	40.850.000
	800	220	221	6750	6799	12.700.000
	800	220	221	7000		92.931.000
	800	220	221	7000	7001	75.031.000
	800	220	221	7000	7049	17.900.000
	800	250				43.500.000
	800	250	278			43.500.000
	800	250	278	7000		43.500.000
	800	250	278	7000	7049	43.500.000
	800	340				89.027.778.838
	800	340	341			69.709.791.210
	800	340	341	6000		4.802.662.110
	800	340	341	6000	6001	4.802.662.110
	800	340	341	6050		6.265.000
	800	340	341	6050	6051	6.265.000
	800	340	341	6100		1.575.816.919
	800	340	341	6100	6101	80.812.457
	800	340	341	6100	6105	264.803.342
	800	340	341	6100	6111	46.332.000
	800	340	341	6100	6113	4.063.000
	800	340	341	6100	6115	466.128
	800	340	341	6100	6123	60.021.000
	800	340	341	6100	6124	1.119.318.992
	800	340	341	6200		1.662.186.000
	800	340	341	6200	6201	1.038.463.000
	800	340	341	6200	6249	623.723.000
	800	340	341	6250		1.362.205.690
	800	340	341	6250	6299	1.362.205.690
	800	340	341	6300		1.347.500.927
	800	340	341	6300	6301	1.093.218.609
	800	340	341	6300	6302	177.120.101
	800	340	341	6300	6303	51.116.129
	800	340	341	6300	6304	1.126.080
	800	340	341	6300	6349	24.920.008
	800	340	341	6350		20.146.399.110
	800	340	341	6350	6353	1.840.480.535
	800	340	341	6350	6399	18.305.918.575
	800	340	341	6400		13.546.841.566
	800	340	341	6400	6404	1.177.757.312
	800	340	341	6400	6449	12.369.084.254
	800	340	341	6500		926.103.036
	800	340	341	6500	6501	633.961.146
	800	340	341	6500	6502	213.206.760
	800	340	341	6500	6503	78.935.130
	800	340	341	6550		764.182.176
	800	340	341	6550	6551	367.554.616
	800	340	341	6550	6552	95.570.400
	800	340	341	6550	6599	301.057.160

X.H.C.N
PHÒNG
INH TẾ
TĂNG V
ĐÔ THỊ
T.P HỒ

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	340	341	6600		1.305.396.773
	800	340	341	6600	6601	2.492.096
	800	340	341	6600	6603	11.856.440
	800	340	341	6600	6605	28.352.487
	800	340	341	6600	6606	176.944.550
	800	340	341	6600	6608	1.085.151.200
	800	340	341	6600	6618	600.000
	800	340	341	6650		149.454.800
	800	340	341	6650	6651	13.650.000
	800	340	341	6650	6652	17.400.000
	800	340	341	6650	6657	28.600.000
	800	340	341	6650	6658	17.400.000
	800	340	341	6650	6699	72.404.800
	800	340	341	6750		689.464.501
	800	340	341	6750	6751	103.120.000
	800	340	341	6750	6754	58.626.707
	800	340	341	6750	6757	207.602.623
	800	340	341	6750	6758	20.448.000
	800	340	341	6750	6799	299.667.171
	800	340	341	6900		532.604.141
	800	340	341	6900	6903	116.999.600
	800	340	341	6900	6907	45.000.000
	800	340	341	6900	6912	174.729.901
	800	340	341	6900	6913	95.255.850
	800	340	341	6900	6921	36.093.200
	800	340	341	6900	6949	64.525.590
	800	340	341	6950		600.038.000
	800	340	341	6950	6955	26.200.000
	800	340	341	6950	6956	573.838.000
	800	340	341	7000		1.923.291.155
	800	340	341	7000	7001	36.744.155
	800	340	341	7000	7004	298.990.000
	800	340	341	7000	7049	1.587.557.000
	800	340	341	7750		4.370.733.997
	800	340	341	7750	7756	12.153.635
	800	340	341	7750	7799	4.358.580.362
	800	340	341	7850		51.700.000
	800	340	341	7850	7852	51.700.000
	800	340	341	8000		13.946.945.309
	800	340	341	8000	8006	10.957.547.309
	800	340	341	8000	8049	2.989.398.000
	800	340	351			12.129.370.377
	800	340	351	6000		1.487.468.754
	800	340	351	6000	6001	1.487.468.754
	800	340	351	6050		96.600.000
	800	340	351	6050	6051	96.600.000
	800	340	351	6100		661.074.965
	800	340	351	6100	6101	77.804.414
	800	340	351	6100	6113	14.472.900

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	340	351	6100	6115	13.719.581
	800	340	351	6100	6123	164.562.840
	800	340	351	6100	6124	380.785.510
	800	340	351	6100	6149	9.729.720
	800	340	351	6200		168.730.000
	800	340	351	6200	6201	20.030.000
	800	340	351	6200	6249	148.700.000
	800	340	351	6250		193.500.000
	800	340	351	6250	6299	193.500.000
	800	340	351	6300		377.772.911
	800	340	351	6300	6301	306.876.114
	800	340	351	6300	6302	55.019.262
	800	340	351	6300	6303	6.607.458
	800	340	351	6300	6304	966.000
	800	340	351	6300	6349	8.304.077
	800	340	351	6350		599.460.300
	800	340	351	6350	6353	435.228.300
	800	340	351	6350	6399	164.232.000
	800	340	351	6400		3.516.626.904
	800	340	351	6400	6404	407.806.453
	800	340	351	6400	6449	3.108.820.451
	800	340	351	6500		105.371.144
	800	340	351	6500	6501	83.974.399
	800	340	351	6500	6502	12.202.605
	800	340	351	6500	6503	9.194.140
	800	340	351	6550		73.401.801
	800	340	351	6550	6551	54.008.080
	800	340	351	6550	6599	19.393.721
	800	340	351	6600		19.104.093
	800	340	351	6600	6601	23.564
	800	340	351	6600	6603	5.458.529
	800	340	351	6600	6605	13.622.000
	800	340	351	6700		5.800.000
	800	340	351	6700	6702	5.800.000
	800	340	351	6750		105.558.308
	800	340	351	6750	6751	45.000.000
	800	340	351	6750	6754	24.558.308
	800	340	351	6750	6757	36.000.000
	800	340	351	6900		23.781.404
	800	340	351	6900	6913	23.781.404
	800	340	351	7000		99.933.920
	800	340	351	7000	7049	99.933.920
	800	340	351	7750		49.680.000
	800	340	351	7750	7799	49.680.000
	800	340	351	7850		2.459.932.318
	800	340	351	7850	7852	1.214.858.118
	800	340	351	7850	7853	537.447.200
	800	340	351	7850	7854	401.627.000
	800	340	351	7850	7899	306.000.000

VIỆT NAM
A
HI MINH

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	340	351	8000		2.085.573.555
	800	340	351	8000	8006	1.866.417.930
	800	340	351	8000	8049	219.155.625
	800	340	361			7.188.617.251
	800	340	361	6000		1.136.017.533
	800	340	361	6000	6001	1.136.017.533
	800	340	361	6100		584.812.800
	800	340	361	6100	6101	51.662.550
	800	340	361	6100	6113	1.319.000
	800	340	361	6100	6123	125.973.900
	800	340	361	6100	6124	405.857.350
	800	340	361	6200		133.828.000
	800	340	361	6200	6201	113.580.000
	800	340	361	6200	6249	20.248.000
	800	340	361	6250		295.138.000
	800	340	361	6250	6299	295.138.000
	800	340	361	6300		231.905.757
	800	340	361	6300	6301	186.553.407
	800	340	361	6300	6302	34.160.013
	800	340	361	6300	6303	6.669.000
	800	340	361	6300	6349	4.523.337
	800	340	361	6350		947.597.350
	800	340	361	6350	6353	658.904.150
	800	340	361	6350	6399	288.693.200
	800	340	361	6400		2.788.371.221
	800	340	361	6400	6404	399.722.211
	800	340	361	6400	6449	2.388.649.010
	800	340	361	6500		54.198.158
	800	340	361	6500	6501	45.841.601
	800	340	361	6500	6502	8.356.557
	800	340	361	6550		20.762.543
	800	340	361	6550	6551	12.977.523
	800	340	361	6550	6599	7.785.020
	800	340	361	6600		2.524.939
	800	340	361	6600	6605	2.524.939
	800	340	361	6650		420.202.391
	800	340	361	6650	6651	32.918.400
	800	340	361	6650	6652	12.000.000
	800	340	361	6650	6658	107.250.000
	800	340	361	6650	6699	268.033.991
	800	340	361	6700		800.000
	800	340	361	6700	6703	800.000
	800	340	361	6750		37.427.600
	800	340	361	6750	6751	7.000.000
	800	340	361	6750	6754	9.417.600
	800	340	361	6750	6757	17.000.000
	800	340	361	6750	6758	4.010.000
	800	340	361	6900		7.326.641
	800	340	361	6900	6912	6.626.641

Cấp	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số QT
	800	340	361	6900	6913	700.000
	800	340	361	7000		526.704.318
	800	340	361	7000	7049	526.704.318
	800	340	361	7750		1.000.000
	800	340	361	7750	7799	1.000.000
	800	370				27.565.368.425
	800	370	371			1.450.405.800
	800	370	371	7150		1.450.405.800
	800	370	371	7150	7155	167.005.800
	800	370	371	7150	7162	1.283.400.000
	800	370	374			3.373.040.000
	800	370	374	6300		3.373.040.000
	800	370	374	6300	6301	3.373.040.000
	800	370	398			22.741.922.625
	800	370	398	7450		22.741.922.625
	800	370	398	7450	7455	9.115.365.000
	800	370	398	7450	7456	1.389.700.000
	800	370	398	7450	7457	210.356.325
	800	370	398	7450	7499	12.026.501.300
	800	430				8.648.063.901
	800	430	433			8.648.063.901
	800	430	433	7700		8.648.063.901
	800	430	433	7700	7749	8.648.063.901
	800	430	434	0900	0963	47.784.557.861
	800	430	434	0900	0964	4.986.626
	800	430	434	0900	0965	12.404.080.000
	800	430	434	0900	0967	92.700.051.292
Tổng cộng						683.584.436.592

Ngày **29-05-2026** tháng năm 2026
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC II
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5



Nguyễn Văn Toàn

Ngày **29-05-2026** tháng năm 2026
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2025
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
Tổng cộng						0
1. Kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông (0972)						0

Ngày **29-05-2026** tháng năm 2026
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KHU VỰC II
PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 5



Nguyễn Văn Toàn

CÁN BỘ TRÌNH

[Signature]

Nguyễn Thị Kim Vân

Ngày **29** tháng **05** năm 2026
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THUYẾT MINH TĂNG, GIẢM CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ NĂM 2025
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
A	B	1	2
	Số quyết toán chi tăng, giảm so với dự toán	9.967.974.696	
1	Do chính sách thay đổi	0	
2	Nhiệm vụ chi đột xuất được bổ sung	804.136.696	
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 154/2025/NQ-CP		
	Kinh phí thực hiện chính sách thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND		
	Kinh phí tổ chức Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam	265.948.396	
	Kinh phí chi trợ cấp thôi việc	538.188.300	
3	Tăng, giảm biên chế so với dự toán	0	
	- Số biên chế tăng, giảm	0	
	- Số kinh phí tăng, giảm	0	
4	Mua sắm tài sản	9.163.838.000	
	kinh phí mua sắm lắp đặt hệ thống phát sóng không dây trong khuôn viên Ủy ban nhân dân phường và tài khoản hợp trực tuyến	421.038.000	
	Kinh phí mua máy vi tính	152.800.000	
	Kinh phí trang bị hạ tầng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã và Trung tâm Phục vụ hành chính công	5.890.000.000	Dự toán bổ sung sau ngày 30/9, Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân đang thực hiện nên chi chuyển nguồn sang năm 2026
	Kinh phí mua sắm hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số (Đảng ủy và Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam phường)	2.700.000.000	Dự toán bổ sung sau ngày 30/9, Văn phòng Hội đồng Nhân dân và Ủy ban nhân dân đang thực hiện nên chi chuyển nguồn sang năm 2026
5	Sửa chữa trụ sở làm việc	0	

Ghi chú: Trường hợp (giảm) thì ghi số âm (có dấu trừ ở trước)

CÁN BỘ TRÌNH



Nguyễn Thị Kim Vân

An Lạc, ngày 19 tháng 5 năm 2026



TRƯỞNG PHÒNG

Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THUYẾT MINH
CHI KHẤC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI NĂM 2025
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
A	B	1
A	Tổng nguồn	21.931.000.000
I	Nguồn trong nước	21.931.000.000
1	Trung ương bổ sung	
2	Các tổ chức, cá nhân trong nước ủng hộ	
3	Nguồn của NSDP	21.931.000.000
	Tr.đó: - Từ nguồn dự phòng	21.931.000.000
	- Từ quỹ dự trữ tài chính	
	- Từ nguồn tăng thu	
	- Từ nguồn thưởng vượt thu	
	- Từ nguồn khác	
4	Các nguồn khác	
II	Nguồn viện trợ nước ngoài	
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP	-
I	Chi đầu tư XD CB	
II	Chi thường xuyên	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	
2	Chi giáo dục	
3	Chi y tế	
4	Chi đảm bảo xã hội	

An Lạc, ngày 6/9 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG KINH TẾ,
HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG
NGUỒN DỰ PHÒNG, TĂNG THU VÀ THƯỜNG VƯỢT DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2025
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thường vượt dự toán	
A	B	1	2	3	4	5
A	Tổng nguồn	21.931.000.000	21.931.000.000	-	-	
B	Tổng kinh phí sử dụng đã được quyết toán chi NSDP	1.681.849.853	1.681.849.853	-	-	
I	Chi đầu tư XDCB		-		-	
II	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn doanh nghiệp (nếu có phân cấp)		-			
III	Chi thường xuyên		1.681.849.853			
1	Chi Quốc phòng		742.735.857			Kinh phí sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường (Bên trong trụ sở Ủy ban nhân dân phường)
2	Chi sự nghiệp giáo dục					
3	Chi y tế					
4	Chi đảm bảo xã hội					
5	Chi sự nghiệp văn hóa					

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó			Ghi chú
			Dự phòng	Tăng thu	Thưởng vượt dự toán	
6	Chi Quản lý nhà nước, đảng đoàn thể		939.113.996			Kinh phí mua sắm lắp đặt hệ thống phát sóng không dây trong khuôn viên Ủy ban nhân dân phường và tài khoản hợp trực tuyến, mua máy vi tính, sửa xe ô tô, tổ chức Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam
7	Chi khác					

CÁN BỘ TRÌNH

[Signature]

Nguyễn Thị Kim Vân

An lạc, ngày 29 tháng 5 năm 2026
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

BÁO CÁO CHI CHUYỂN NGUỒN NĂM 2025 SANG NĂM 2026
(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1	5
	TỔNG CỘNG	0	152.893.675.779	152.893.675.779		
1	Các khoản dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp bổ sung sau ngày 30 tháng 9 năm thực hiện dự toán, trừ trường hợp đã hết nhiệm vụ chi	0	12.404.080.000	12.404.080.000		
2	Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển nguồn sang năm sau đối với kế hoạch vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công	0	0	0		
3	Các chương trình mục tiêu quốc gia đang trong thời gian thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội nhưng không quá ngày 31 tháng 12 năm sau	0	0	0		
4	Chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng, đặt hàng, giao nhiệm vụ đã đầy đủ hồ sơ, đã ký hợp đồng hoặc đã hoàn thành đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán	0	0	0		
5	Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương; nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội	0	47.784.557.861	47.784.557.861		Nguồn cải cách tiền lương
6	Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước	0	4.986.626	4.986.626		Nguồn tự chủ của đơn vị sự nghiệp
7	Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0		0		
8	Chi dự trữ quốc gia	0		0		
9	Các khoản chi viện trợ cho các Chính phủ nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền giao dự toán	0		0		

STT	Nội dung	Năm 2024	Năm 2025	Năm báo cáo so với năm liền kề		Giải trình
				Số tuyệt đối	Số tương đối	
10	Các khoản chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện đã được xác định nhiệm vụ chi cụ thể	0		0		
11	Các khoản kinh phí phải hoàn trả ngân sách cấp trên theo kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán	0		0		
12	Các khoản tăng thu so với dự toán, dự toán chỉ còn lại của cấp ngân sách được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật này, trường hợp phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền quyết định sử dụng vào năm sau thì được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện	0	92.700.051.292	92.700.051.292		Tạo nguồn cải cách tiền lương
13	Các khoản chuyển nguồn khác theo quy định của pháp luật	0	0	0		

An Lạc, ngày 10 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

UBND PHƯỜNG AN LẠC
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

TỔNG HỢP THU DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG NĂM 2025
(KHÔNG BAO GỒM NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC)

(Dùng cho cơ quan tài chính cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ	198.335.940.003	188.761.202.685	95,2%
	Các đơn vị thuộc phạm vi quản lý	198.335.940.003	188.761.202.685	95,2%
I	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo	192.141.513.225	183.223.708.525	95,4%
1	Trường Mầm non Hoa Đào	5.241.485.000	4.633.755.000	88,4%
2	Trường mầm non Hoàng Anh	5.081.240.000	4.766.943.000	93,8%
3	Trường mầm non Hoa Hồng	4.351.350.000	4.109.079.000	94,4%
4	Trường mầm non Thiết Mộc Lan	1.886.212.000	1.886.212.000	100,0%
5	Trường mầm non 20/10	1.909.200.000	1.895.698.000	99,3%
6	Trường mầm non 19/5	2.085.009.000	2.085.009.000	100,0%
7	Trường mầm non Hương Sen	7.885.445.000	7.885.445.000	100,0%
8	Trường mầm non Bình Trị Đông B	4.599.745.000	4.408.410.000	95,8%
9	Trường mầm non Dạ Lý Hương	1.910.078.225	1.910.078.225	100,0%
10	Trường tiểu học Lê Công Phép	15.859.330.000	15.501.418.666	97,7%
11	Trường tiểu học Lương Thế Vinh	10.500.600.000	12.670.158.000	120,7%
12	Trường tiểu học Bình Trị 2	20.375.834.000	20.920.827.595	102,7%
13	Trường Tiểu học Bùi Hữu Nghĩa	9.847.328.000	9.847.327.310	100,0%
14	Trường tiểu học An Lạc 1	13.536.110.000	14.316.442.000	105,8%
15	Trường tiểu học An Lạc 2	3.693.600.000	3.615.689.253	97,9%
16	Trường tiểu học An Lạc 3	19.578.280.000	15.967.873.790	81,6%
17	Trường Tiểu học Đinh Công Tráng	10.280.830.000	8.166.941.286	79,4%
18	Trường TH cơ sở An Lạc	10.078.611.000	9.674.843.400	96,0%
19	Trường Trung học cơ sở Bình Trị Đông B	9.780.000.000	8.963.909.000	91,7%
20	Trường Trung học cơ sở Lê Tấn Bê	16.419.470.000	13.784.787.000	84,0%
21	Trường Trung học cơ sở Bình Tân	16.884.730.000	15.816.735.000	93,7%
22	Trung Tâm chính trị	357.026.000	396.127.000	111,0%

STT	Tên đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
II	Đơn vị sự nghiệp khác	6.194.426.778	5.537.494.160	
1	Trung tâm Văn hóa - thể thao	4.000.000.000	3.131.472.367	78,3%
2	Ban quản lý chợ An Lạc	2.194.426.778	2.406.021.793	109,6%

An Lạc, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Trọng Đại

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG AN LẠC**

TỔNG HỢP CÁC QUỸ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NGOÀI NGÂN SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2025
(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên)

Đơn vị: đồng

STT	Tên Quỹ	Dư nguồn đến ngày 30/06/2025	Kế hoạch năm 2025				Thực hiện năm 2025				Dư nguồn đến 31/12/2025
			Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	Tổng nguồn vốn phát sinh trong năm		Tổng sử dụng nguồn vốn trong năm	Chênh lệch nguồn trong năm	
			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSNN (nếu có)			Tổng số	Trong đó: Hỗ trợ từ NSNN (nếu có)			
A	B	1	2	3	4	5=2-4	6	7	8	9=6-8	10=1+6-8
1	Quỹ Phòng chống thiên tai Thành phố	03.978.926					2.677.620.000	0	1.793.886.480	883.733.520	949.712.446
2	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	515.020.997								0	515.020.997
3	Quỹ vì người nghèo	683.605.199					262.674.977		447.300.000	-184.625.023	498.980.176

An Lạc, ngày 25 tháng 5 năm 2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Khánh

Không ghi vào
Khu vực này

KBNN KHU VỰC II - PGD SỐ 5

Mẫu số C6-09/NS
(Theo TT số 19/2020/TT-BTC ngày
31/03/2020
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)
Số

PHIẾU ĐIỀU CHỈNH

Lập ngày 23 tháng 03 năm 2026

Ngày ghi sổ bút toán cần điều chỉnh:

Nội dung và nguyên nhân cần điều chỉnh: Điều chỉnh do sai cấp, sai mã ĐBHC các khoản thu cho từng địa
bàn ở TP.HCM năm 2025 theo NQ15/HDND ngày 24/07/2025.

Thông tin điều chỉnh theo chi tiết sau:

Mã TKKT	Mã NDKT	Mã cấp NS	Mã ĐVQHNS	Mã ĐBHC	Mã chương	Mã ngành KT	Mã CTMT, DA và HTCT	Mã nguồn NSNN	Mã dự phòng	Năm NS	Số tiền	
											Nợ	Có
												405.000
7111	1602	2	1141112	27460	854	000	00000	00	000			-405.000
7111	1602	4	1141112	27460	854	000	00000	00	000			2.593.000
7111	1601	2	1141112	27460	857	000	00000	00	000			-2.593.000
7111	1601	4	1141112	27460	857	000	00000	00	000			4.514.400
7111	1603	2	1141112	27460	551	000	00000	00	000			-4.514.400
7111	1603	4	1141112	27460	551	000	00000	00	000			11.017
7111	1603	2	1141112	27460	855	000	00000	00	000			-11.017
7111	1603	4	1141112	27460	855	000	00000	00	000			1.705.374
7111	1603	2	1141113	27457	151	000	00000	00	000			-1.705.374
7111	1603	4	1141113	27457	151	000	00000	00	000			1.475.788
7111	1603	2	1141113	27457	554	000	00000	00	000			-1.475.788
7111	1603	4	1141113	27457	554	000	00000	00	000			31.555.920
7111	1603	2	1061346	27460	554	000	00000	00	000			-31.555.920
7111	1603	4	1061346	27460	554	000	00000	00	000			25.050.855
7111	2801	2	1053167	79TTT	557	000	00000	00	000			-25.050.855
7111	2801	2	1056137	79TTT	757	000	00000	00	000			1.000.000
7111	2864	2	1141105	27595	857	000	00000	00	000			-1.000.000
7111	2864	4	1141105	27595	857	000	00000	00	000			1.000.000
7111	2864	2	1061346	27448	757	000	00000	00	000			-1.000.000
7111	2864	4	1061346	27448	757	000	00000	00	000			-500.000
7111	2864	2	1061346	27442	757	000	00000	00	000			500.000
7111	2864	4	1061346	27442	757	000	00000	00	000			-1.000.000
7111	2864	2	1061346	27460	757	000	00000	00	000			1.000.000
7111	4252	4	1061346	27460	757	000	00000	00	000			5.750.000
7111	4268	1	1054218	27628	857	000	00000	00	000			-5.750.000
7111	4268	1	1054218	79TTT	857	000	00000	00	000			354.690
7111	4944	4	1061346	27439	757	000	00000	00	000			-354.690
7111	4944	2	1061346	79TTT	757	000	00000	00	000			-22
7111	4917	1	1141106	27439	857	000	00000	00	000			22
7111	4917	2	1141106	27439	857	000	00000	00	000			

Kế toán

Kế toán trưởng

Trưởng phòng



Đỗ Phi Dũng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỔ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4530 /STC-QLNS
Về việc điều chỉnh các khoản thu
chuyển nguồn năm 2025 (đợt 1)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Kho bạc Nhà nước Khu vực II;
- Ủy ban nhân dân các Xã, Phường.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 4205/BTC-NSNN ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trong đó Bộ Tài chính yêu cầu "3. Từng cơ quan, đơn vị ở địa phương (bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước,...) trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy, theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện kiểm kê các nguồn tài chính, ngân sách nhà nước, lập đầy đủ hồ sơ liên quan theo chế độ quy định, rà soát, xử lý dứt điểm các kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán chưa thực hiện liên quan đến xử lý tài chính, xử lý khác; đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện về hồ sơ, chứng từ liên quan về nguồn tài chính, ngân sách nhà nước đến thời điểm được cấp có thẩm quyền quyết định sắp xếp, tổ chức bộ máy. Khi thực hiện bàn giao nguồn tài chính, ngân sách nhà nước giữa các cơ quan, đơn vị phải lập biên bản bàn giao, tiếp nhận giữa các bên, kể cả các khoản nợ phải thu, phải trả (nếu có), các kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán chưa thực hiện. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng thất thoát nguồn tài chính, ngân sách nhà nước";

Căn cứ Công văn số 3688/UBND-KT ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác xử lý tài chính, ngân sách nhà nước khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Công văn số 4553/UBND-KT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác bàn giao tài sản tài chính, ngân sách 06

tháng đầu năm 2025 khi thực hiện tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông báo số 631/TB-VP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về kết luận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tại cuộc họp giao ban công tác sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (lần 2), trong đó Ủy ban nhân dân Thành phố giao Sở Tài chính khẩn trương hướng dẫn các cơ quan, đơn vị các nội dung liên quan lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2025. Phối hợp với Sở Tài chính tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đảm bảo ngân sách hoạt động cho phường xã mới, các đơn vị trực thuộc Thành phố sau sắp xếp hoạt động liên tục từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Để đảm bảo công tác Quyết toán ngân sách cấp Xã năm 2025 đúng thời gian quy định. Sở Tài chính kính đề nghị Kho bạc Nhà nước Khu vực II và Ủy ban nhân dân các Xã, Phường phối hợp thực hiện như sau:

1. Đối với Kho bạc Nhà nước Khu vực II:

1.1. Phối hợp điều chỉnh số thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp Thành phố về ngân sách cấp Xã/Phường (chi tiết tại Phụ lục số 01 đính kèm).

1.2. Phối hợp điều chỉnh số phải trả về thu chuyển giao năm 2025 từ ngân sách cấp Huyện về ngân sách cấp Thành phố (chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm).

1.3. Phối hợp điều chỉnh số thu chuyển nguồn từ ngân sách cấp Xã về ngân sách cấp Thành phố do UBND Xã Tân An Hội hạch toán 02 lần (chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm).

2. Đối với Ủy ban nhân dân các Xã, Phường (trừ Ủy ban nhân dân đặc khu Côn Đảo): chưa thực hiện gửi đầy đủ Mẫu số 20f có xác nhận của Kho bạc Nhà nước Khu vực II và các Phòng Giao dịch trực thuộc thì không có cơ sở để đối chiếu số liệu và gửi Kho bạc Nhà nước Khu vực II để phối hợp điều chỉnh.

Do đó, Sở Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các Xã, Phường chưa thực hiện điều chỉnh số thu chuyển nguồn năm 2025 thì tiếp tục gửi Mẫu số 20f và Phụ lục 01 tại Công văn số 7350/STC-QLNS ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính về việc điều chỉnh các khoản thu chuyển nguồn năm 2025 **chậm nhất**

đến 17h00 ngày 30 tháng 3 năm 2026. Sau thời gian này xem như các đơn vị không có nhu cầu điều chỉnh số thu chuyển nguồn năm 2025.

Sở Tài chính kính đề nghị Kho bạc Nhà nước Khu vực II, Ủy ban nhân dân các Xã, Phường phối hợp, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quyền Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng: HCSN; ĐP; QTĐT;
- Lưu: VT, QLNS/NgTN (02).



Tạ Thành Nhân

SỞ TÀI CHÍNH



Phụ lục số 01

ĐIỀU CHỈNH THU CHUYỂN NGUỒN NĂM 2025

(Đính kèm Công văn số ...2590...../STC-QLNS ngày ...20...tháng 3 năm 2026 của Sở Tài chính)

KY 13-25

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	QUY	TKTN	NDKT	CAP	DVQHNS	DBHC	CHUONG	NGANH	CTMT	SHKB	NGUON	DP	SỐ TIỀN
ĐIỀU CHỈNH TỪ THU CHUYỂN NGUỒN NS CẤP THÀNH PHỐ VỀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ/PHƯỜNG														
1		01	7411	0912	2	2997979	79	560	000	00000	0111	00	000	(615.930.000)
2		01	7411	0913	2	2997979	79	560	000	00000	0111	00	000	(195.644.147.789)
3		01	7411	0914	2	2997979	79	560	000	00000	0111	00	000	(4.142.388.787)
4		01	7411	0915	2	2997979	79	560	000	00000	0111	00	000	(11.234.607.382)
CỘNG														(211.637.073.958)
ĐIỀU CHỈNH TỪ THU CHUYỂN NGUỒN NS CẤP THÀNH PHỐ VỀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ/PHƯỜNG														
1	UBND PHƯỜNG BẢY HIỀN	01	7411	0912	4	2826983	26983	860	000	00000	0122	00	000	266.560.000
2		01	7411	0913	4	2826983	26983	860	000	00000	0122	00	000	27.359.111.884
3		01	7411	0914	4	2826983	26983	860	000	00000	0122	00	000	448.374.016
4		01	7411	0915	4	2826983	26983	860	000	00000	0122	00	000	3.058.312.280
CỘNG														31.132.358.180
1	UBND PHƯỜNG TÂN HOÀ	01	7411	0913	4	2826995	26995	860	000	00000	0122	00	000	22.067.957.012
2		01	7411	0914	4	2826995	26995	860	000	00000	0122	00	000	196.057.028
3		01	7411	0912	4	2826995	26995	860	000	00000	0122	00	000	349.370.000
4		01	7411	0915	4	2826995	26995	860	000	00000	0122	00	000	2.391.275.020
CỘNG														25.004.659.060
1	UBND PHƯỜNG AN LẠC	01	7411	0913	4	2827460	27460	860	000	00000	0134	00	000	18.086.068.675
2		01	7411	0914	4	2827460	27460	860	000	00000	0134	00	000	32.838.561
3		01	7411	0915	4	2827460	27460	860	000	00000	0134	00	000	1.112.000.000
CỘNG														19.230.907.236
1	UBND PHƯỜNG TÂN ĐỊNH	01	7411	0915	4	2826737	26737	860	000	00000	0137	00	000	1.260.623.400
2		01	7411	0913	4	2826737	26737	860	000	00000	0137	00	000	12.475.316.714
3		01	7411	0914	4	2826737	26737	860	000	00000	0137	00	000	270.554.092